**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC => Chỉnh lại tên chương**

**2.1. Khái quát về sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên**

***2.1.1. Khái quát về Trường Đại học Khoa học***

- Tên gọi: Trường Đại học Khoa học

- Địa chỉ: Phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên

- Email: [contact@tnus.edu.vn](mailto:contact@tnus.edu.vn);

- Website: http://www.tnus.edu.vn

Ngày 23/12/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1901/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Khoa học trên cơ sở nâng cấp Khoa Khoa học Tự nhiên và Xã hội (tiền thân là Khoa Khoa học Tự nhiên) trực thuộc Đại học Thái Nguyên.

Trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn với các trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội của khu vực trung du miền núi phía Bắc và cả nước.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, vượt qua nhiều khó khăn và thử thách, Nhà trường đã từng bước vươn lên phát triển về mọi mặt, đang khẳng định được vị thế và thương hiệu riêng.

Đội ngũ giảng viên của trường ngày càng lớn mạnh, thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu xã hội. Hiện nay, tổng số cán bộ, viên chức, người lao động của Trường là 306, trong đó 181 giảng viên, số giảng viên có trình độ tiến sĩ là 89 (bao gồm 11 PGS), chiếm tỷ lệ gần 50%.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng, Trường đang đào tạo 24 ngành bậc đại học, 09 chuyên ngành thạc sĩ và 03 chuyên ngành tiến sĩ. Ngoài ra, Trường đang thực hiện 08 chương trình đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ bồi dưỡng ngắn hạn. Tổng số người học các hệ của Trường khoảng 6.600 người (trong đó 600 NCS, học viên cao học, 6000 sinh viên đại học và liên thông). Số lưu học sinh quốc tế đang theo học là 45 người. Từ khi thành lập, Trường đã đào tạo hơn 15.800 cử nhân, 1.700 thạc sĩ, 05 nghiên cứu sinh. Theo (<https://tnus.edu.vn/gioi-thieu/lich-su-hinh-thanh-va-phat-trien>).

***2.1.2. Khái quát về sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên***

***\* Đặc điểm về quy mô, cơ cấu sinh viên theo khóa, ngành***

Năm học 2022-2023, trường Đại học Khoa Học- Đại học Thái Nguyên đang đào tạo 2.282 sinh viên trong nước và quốc tế bậc đại học chính quy, trong đó số lượng sinh viên nữ là 1.845 sinh viên, chiếm tỷ lệ 81% tổng số sinh viên; số lượng sinh viên nam là 437 sinh viên, chiếm tỷ lệ 19% tổng sống sinh viên. Trường Đại học Khoa Học hiên có bốn khóa sinh viên, gồm: khóa 17, khóa 18, khóa 19, khóa 20. Số lượng sinh viên các khóa theo ngành học và theo lớp học cụ thể như sau:

**Bảng 2.1. Thống kê số lượng sinh viên theo ngành/khóa Trường ĐHKH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành** | **Khóa** | | | | | | | |
| **17** | | **18** | | **19** | | **20** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Phòng Công tác HSSV Trường ĐHKH)*

***=> Tổng hợp lại số liệu ở bảng dưới vào bảng trên đây. Lưu ý, tất cả các bảng/biểu phải ghi theo số thứ tự, tên bảng/biểu ở trên và nguồn dẫn ở dưới ạ.***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành học** | **Tên lớp** | **Số lượng** | **Khóa** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** |
| 1 | Báo chí | Báo Chí K17 | 9 | 17 |
| 2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | CNKTHH K17 | 7 | 17 |
| 3 | Công nghệ Sinh học | CNSH K17 | 25 | 17 |
| 4 | Công tác xã hội | CTXH K17 | 23 | 17 |
| 5 | Du lịch | Du Lịch K17 | 41 | 17 |
| 6 | Khoa học quản lý | KHQL K17 | 32 | 17 |
| 7 | Luật | LUẬT A - K17 | 46 | 17 |
| 8 | Luật | LUẬT B - K17 | 50 | 17 |
| 9 | Ngôn ngữ Anh | NNA - K17A | 16 | 17 |
| 10 | Ngôn ngữ Anh | NNA - K17B | 17 | 17 |
| 11 | Quản lý tài nguyên và môi trường | QLTNMT - K17 | 11 | 17 |
| 12 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | QTDVDLLH A - K17 | 48 | 17 |
| 13 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | QTDVDLLH B - K17 | 36 | 17 |
| 14 | Thông tin - Thư viện | KHTV K17 | 2 | 17 |
| 15 | Văn học | Văn Học K17 | 6 | 17 |
| 16 | Việt Nam học | VNH - K17 | 2 | 17 |
| **Tổng :** | | | **371 sinh viên** | |
| 17 | Báo chí | Báo Chí K18 | 8 | 18 |
| 18 | Công nghệ Sinh học | CNSH A K18 CLC | 32 | 18 |
| 19 | Công tác xã hội | CTXH K18 | 22 | 18 |
| 20 | Du lịch | Du Lịch K18 | 35 | 18 |
| 21 | Hóa dược | Hóa dược K18 | 3 | 18 |
| 22 | Khoa học quản lý | KHQL K18 | 30 | 18 |
| 23 | Lịch sử | Lịch Sử K18 | 3 | 18 |
| 24 | Luật | LUẬT A - K18 CLC | 16 | 18 |
| 25 | Luật | LUẬT B - K18 | 52 | 18 |
| 26 | Luật | LUẬT C - K18 | 38 | 18 |
| 27 | Ngôn ngữ Anh | NNA - K18A | 15 | 18 |
| 28 | Ngôn ngữ Anh | NNA - K18B | 17 | 18 |
| 29 | Quản lý tài nguyên và môi trường | QLTNMT - K18 | 2 | 18 |
| 30 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | QTDVDLLH A - K18 | 26 | 18 |
| 31 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | QTDVDLLH B - K18 | 25 | 18 |
| 32 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | QTDVDLLH(CLC) - K18 | 18 | 18 |
| 33 | Thông tin - Thư viện | TT-TV - K18 | 3 | 18 |
| 34 | Toán tin | Toán-TUD - K18 | 1 | 18 |
| 35 | Văn học | Văn Học K18 | 2 | 18 |
| 36 | Việt Nam học | VNH - K18 | 4 | 18 |
| **Tổng :** | | | **352 sinh viên** | |
| 37 | Báo chí | Báo chí - K19 | 15 | 19 |
| 38 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | CNKTHH K19 | 3 | 19 |
| 39 | Công nghệ Sinh học | CNSH A K19 CLC | 2 | 19 |
| 40 | Công nghệ Sinh học | CNSH B K19 | 28 | 19 |
| 41 | Công tác xã hội | CTXH K19 | 17 | 19 |
| 42 | Du lịch | Du Lịch K19 | 24 | 19 |
| 43 | Hàn Quốc học | HQH A - K19 | 45 | 19 |
| 44 | Hàn Quốc học | HQH B - K19 | 54 | 19 |
| 45 | Hóa dược | Hóa dược K19 | 9 | 19 |
| 46 | Khoa học môi trường | KHMT - K19 | 8 | 19 |
| 47 | Khoa học quản lý | KHQL K19 | 45 | 19 |
| 48 | Lịch sử | Lịch Sử K19 | 3 | 19 |
| 49 | Luật | LUẬT A - K19 (CLC) | 26 | 19 |
| 50 | Luật | LUẬT B - K19 | 35 | 19 |
| 51 | Luật | LUẬT C - K19 | 43 | 19 |
| 52 | Ngôn ngữ Anh | NNA - K19A | 22 | 19 |
| 53 | Ngôn ngữ Anh | NNA - K19B | 23 | 19 |
| 54 | Quản lý tài nguyên và môi trường | QLTNMT - K19 | 16 | 19 |
| 55 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | QTDVDLLH A - K19 (CLC) | 5 | 19 |
| 56 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | QTDVDLLH B - K19 | 56 | 19 |
| 57 | Thông tin - Thư viện | TT-TV - K19 | 2 | 19 |
| 58 | Toán học | Toán - K19 | 1 | 19 |
| 59 | Toán tin | Toán-TUD - K19 | 14 | 19 |
| 60 | Trung Quốc học | TQH A - K19 | 43 | 19 |
| 61 | Trung Quốc học | TQH B - K19 | 48 | 19 |
| 62 | Trung Quốc học | TQH C - K19 | 50 | 19 |
| 63 | Văn học | Văn Học K19 | 6 | 19 |
| 64 | Vật lý | Vật lý - K19 | 4 | 19 |
| **Tổng :** | | | **647 sinh viên** | |
| 65 | Báo chí | Báo chí - K20 | 20 | 20 |
| 66 | Công nghệ kỹ thuật hóa học | Công nghệ KT hóa học - K20 | 2 | 20 |
| 67 | Công tác xã hội | Công tác Xã hội - K20 | 19 | 20 |
| 68 | Dịch vụ pháp luật | Luật A - K20 (CLC) | 17 | 20 |
| 69 | Du lịch | Du lịch - K20 | 42 | 20 |
| 70 | Hàn Quốc học | Hàn Quốc học A - K20 | 78 | 20 |
| 71 | Hàn Quốc học | Hàn Quốc học B - K20 | 83 | 20 |
| 72 | Hóa dược | Hóa dược - K20 | 2 | 20 |
| 73 | Khoa học môi trường | Khoa học Môi trường - K20 | 4 | 20 |
| 74 | Khoa học quản lý | Khoa học quản lý - K20 | 54 | 20 |
| 75 | Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh | Công Nghệ Sinh - K20 (CLC) | 5 | 20 |
| 76 | Lịch sử | Lịch Sử - K20 | 29 | 20 |
| 77 | Luật | Luật B - K20 | 43 | 20 |
| 78 | Luật | Luật C - K20 | 46 | 20 |
| 79 | Ngôn ngữ Anh | Ngôn ngữ Anh - K20 | 108 | 20 |
| 80 | Quản lý tài nguyên và môi trường | Quản lý Tài nguyên và Môi trường - K20 | 4 | 20 |
| 81 | Quản lý Thể dục Thể thao | Quản lý Thể dục Thể thao - K20 | 16 | 20 |
| 82 | Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K20 | 68 | 20 |
| 83 | Quản trị khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành A - K20 (CLC) | 7 | 20 |
| 84 | Thông tin - Thư viện | Thông tin - Thư viện - K20 | 1 | 20 |
| 85 | Toán học | Toán học - K20 | 16 | 20 |
| 86 | Toán tin | Toán - Tin - K20 | 13 | 20 |
| 87 | Trung Quốc học | Trung Quốc học A - K20 | 77 | 20 |
| 88 | Trung Quốc học | Trung Quốc học B - K20 | 71 | 20 |
| 89 | Trung Quốc học | Trung Quốc học C - K20 | 72 | 20 |
| 90 | Văn học | Văn học - K20 | 15 | 20 |
| **Tổng :** | | | **912 sinh viên** | |
|  | | |  | |

Từ bảng số liệu trên cho thấy, quy mô sinh viên giữa ngành khoa học tự nhiên và ngành Khoa học xã hội hiện nay như thế nào? Mỗi ngành chiếm tỷ lệ bao nhiêu? Ngành nào nhiều sinh viên nhất? ngành nào ít sinh viên nhất? có thể lý giải đôi chút ở đây.

Số lượng sinh viên giữa các khóa thế nào? Khóa nào nhiều sinh viên nhất? Khóa nào ít sinh viên nhất?

***\* Đặc điểm về thành phần dân tộc***

Sinh viên Trường Đại học Khoa Học đến từ nhiều tỉnh thành với nhiều dân tộc khác nhau, và được thể hiện trong biểu đồ dưới đây.

=> Vẽ 1 biểu đồ hình tròn, có ghi chú tỷ lệ sinh viên theo thành phần dân tộc

**Biểu đồ 2.1. Sinh viên Trường ĐHKH thống kê theo thành phần dân tộc**

**……**

*(Nguồn..........)*

Nhìn vào biểu đồ trên ta thấy, sinh viên trường Đại học Khoa học có thành phần dân tộc khá đa dạng, bao gồm sinh viên dân tộc kinh và các dân tộc thiểu số như Tày, Mường…v.v. Trong đó, dân tộc kinh là ….sinh viên, chiếm tỷ lệ…%; sinh viên…..

=> Đưa phần tô vàng lên để diễn đạt lại.

Dân tộc Kinh: 1.091 sinh viên

Dân tộc Tày: 334 sinh viên

Dân tộc Mường: 5 sinh viên

Dân tộc Dao: 73 sinh viên

Dân tộc Nùng: 252 sinh viên

Dân tộc Thái: 76 sinh viên

Dân tộc Sán Dìu: 6 sinh viên

Các dân tộc rất ít người: 91 sinh viên

Các dân tộc khác: 252 sinh viên

Sự đa dân tộc trong một trường đại học tạo nên điều gì? Có thuận lợi và khó khăn gì hay không?

**\* Đặc điểm về nơi tạm trú**

- Số lượng sinh viên ở KTX?

- Số lượng sinh viên ở trọ?

- Sinh viên sống tại gia đình?

Ở KTX thường là sinh viên nào? Chính sách ưu đãi trong KTX là gì? Sinh viên ở trọ thường tới từ đâu? Vì sao SV lại muốn ở trọ bên ngoài? Có thể phân tích thêm một vài ý.

\* Đặc điểm về giới tính

- Tỷ lệ nam/nữ, vì sao nữ lại đông hơn nam?

**2.2.Thực trạng việc đi làm thêm của sinh viên Trường Đại học Khoa học**

*2.2.1. Quy mô, cơ cấu sinh viên đã và đang đi làm thêm*

*- Về quy mô*

**Bảng 2.2. Thống kê số lượng sinh viên đã và đang đi làm thêm khối ngành KHXH của Trường Đại học Khoa học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** | **Số sinh viên đã và đang đi làm thêm** | | | | | | | |
| **17** | | **18** | | **19** | | **20** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | Lịch sử | 4 | 23.52 | 8 | 47.05 | 3 | 17.64 | 2 | 11.76 |
| 2 | Khoa học quản lý | 23 | 28.39 | 24 | 29.62 | 20 | 24.69 | 13 | 16.04 |
| 3 | Công tác xã hội | 9 | 29.03 | 11 | 35.48 | 8 | 25.8 | 3 | 9.67 |
| 4 | Luật | 12 | 30.76 | 16 | 41.02 | 7 | 17.94 | 4 | 10.25 |
| 5 | Ngôn ngữ Anh | 24 | 32.00 | 28 | 37.33 | 12 | 16.00 | 11 | 14.67 |
| 6 | Văn | 9 | 27.27 | 13 | 39.39 | 7 | 21.21 | 4 | 12.12 |
| 7 | Du lịch | 20 | 28.57 | 24 | 34.28 | 17 | 24.28 | 9 | 12.85 |
| 8 | Quản lý TDTT | 15 | 25.86 | 20 | 34.48 | 13 | 22.41 | 10 | 17.24 |
| **Tổng số** | | **403 sinh viên** | | | | | | | |

*(Nguồn: Thống kê từ kết quả khảo sát)*

Bảng trên là thống kê từ kết quả khảo sát của sinh viên nhóm ngành Khoa học Xã hội. Nhìn vào số liệu của bảng trên, nhóm nghiên cứu thấy rằng ở tất cả các ngành học, số lượng sinh viên của năm ba đi làm thêm là nhiều nhất, tiếp theo sau đó đến năm bốn, năm hai và năm nhất. Để lý giải cho việc này, có 2 nguyên nhân chính sau:

1. Khả năng quản lý thời gian: Sinh viên năm 3 và năm 4 đã có kinh nghiệm

trong việc quản lý thời gian học tập và công việc, và có thể dễ dàng sắp xếp lịch làm việc để không ảnh hưởng đến kết quả học tập. Trong khi đó, sinh viên năm 1 và năm 2 còn đang tập làm quen với môi trường học tập mới và chưa quen với việc quản lý thời gian hiệu quả.

1. Yêu cầu học tập: Các năm đầu của chương trình đại học thường đòi hỏi

nhiều thời gian và nỗ lực hơn để đạt được kết quả tốt trong các môn học. Sinh viên năm 1 và năm 2 có thể cảm thấy áp lực hơn để hoàn thành bài tập và đạt được thành tích cao hơn trong khi sinh viên năm 3 và năm 4 có thể có thời gian rảnh rỗi hơn để làm thêm.

Về phía các ngành có sự chênh lệch giữa sinh viên đi làm thêm, có thể hiểu do số lượng sinh viên của các ngành có sự chênh lệch khác nhau. Ngoài ra thì cũng có thể do khối lượng thời gian học của các nhóm ngành lịch sử, công tác xã hội, văn là nhiều hơn, vì vậy nên dẫn đến số lượng sinh viên đi làm thêm của 3 ngành học này là thấp hơn so với các ngành còn lại

*- Về cơ cấu:*

*Hình 2.2 Tỉ lệ nam và nữ đã và đang đi làm thêm ( tổng hợp từ bảng khảo sát )*

Cơ cấu giới tính: tỉ lệ nam và nữ đã và đang đi làm thêm được thể hiện ở biểu đồ trên. Để lý giải cho việc này, có một số lý do như sau:

- Số lượng sinh viên nam và nữ ở các khoa có sự chênh lệch.

- Nhu cầu tài chính: Sinh viên nữ thường có nhu cầu tài chính cao hơn sinh viên nam do các khoản chi tiêu cá nhân như mỹ phẩm, quần áo...

- Tiền lương: Ở nhiều ngành nghề, tiền lương của nam và nữ không bằng nhau. Một số trường hợp, nữ sẽ được trả lương cao hơn nam.

- Tính chất công việc: Công việc bán thời gian dành cho nữ sẽ nhiều hơn nam (Tele sales, lễ tân, bán hàng...).

***2.2.2. Đặc điểm việc làm thêm của sinh viên Trường ĐHKH***

**\* Đặc điểm ngành nghề sinh viên lựa chọn làm thêm**

Ngành nghề sinh viên các ngành KHXH của Trường Đại học Khoa học lựa chọn làm thêm rất đa dạng. Dưới đây là biểu đồ phân bố tỉ lệ ngành nghề được lựa chọn để đi làm thêm của hơn 400 sinh viên đã tham gia khảo sát.

*Hình 2.3 Biểu đồ tỉ lệ các ngành nghề sinh viên đi làm thêm ( tổng hợp từ phiếu khảo sát )*

Dựa trên biểu đồ, ta có các đặc điểm về việc làm thêm của sinh viên như sau:

Phần lớn sinh viên làm thêm làm trong ngành phục vụ (43%), bao gồm các công việc như nhà hàng, quán cà phê, tiệm bánh, v.v. Điều này có thể là do ngành phục vụ có nhu cầu nhân lực cao, và các công việc này có thể linh hoạt với giờ học của sinh viên. Công việc này thường được sinh viên ở ngành Khoa học quản lý, Công tác xã hội, Luật, Ngôn ngữ Anh lựa chọn vì linh hoạt và phù hợp với giờ học của đa phần các khóa. Sinh viên 4 khoa kể trên đi làm thêm ngành này chiếm số đông với 143 sinh viên. Ngoài ra các khoa Văn, Du lịch, Quản lý thể dục thể thao chia đều mỗi khoa 10 sinh viên đi làm thêm ở ngành nghề này. Sinh viên khoa Lịch sử không đi làm thêm trong ngành phục vụ.

Tỷ lệ sale (22%) cũng khá cao, đây là một lĩnh vực có tiềm năng để sinh viên làm thêm, đặc biệt trong các cửa hàng bán lẻ hoặc bán hàng online. Vì giờ giấc làm việc cũng giống như ngành phục vụ, cho nên ngành Khoa học quản lý, Luật, Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh vẫn chiếm số đông sinh viên với 58 sinh viên đi làm thêm công việc sales. Ngoài ra thì sinh viên khóa 18,19 của khoa Du lịch và Quản lý thể dục thể thao cũng lựa chọn ngành nghề này với 25 sinh viên đang đi làm thêm và khoa Lịch sử có 5 sinh viên.

Giao hàng chiếm tỷ lệ 15%, có thể là do sự phát triển của thị trường mua sắm trực tuyến, đòi hỏi nhu cầu giao hàng tăng cao. Việc giao hàng thường yêu cầu nhân viên linh hoạt trong giờ làm việc và khả năng quản lý thời gian tốt, điều này có thể phù hợp với sinh viên. Công việc này là di chuyển trên đường khá nhiều, cần sức khỏe tốt nên thường được sinh viên nam của cả tất cả khóa/ngành lựa chọn với 60 sinh viên nam đang lựa chọn ngành nghề này. Do thể trạng và sinh lý cơ thể không phù hợp, công việc này không có bạn sinh viên nữ nào lựa chọn.

Công việc lễ tân chiếm tỷ lệ 7%, có thể là do số lượng khách sạn và khu nghỉ dưỡng tăng lên, và các công việc lễ tân thường được yêu cầu làm việc vào cuối tuần hoặc vào các ngày lễ, có thể phù hợp với sinh viên. Có khoảng hơn 50% sinh viên ngành Du lịch lựa chọn công việc này, ngoài ra sinh viên ngành Văn và Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh và Lịch sử cũng lựa chọn nhưng tỉ lệ thấp hơn so ( 15 sinh viên ngành Du lịch đi làm thêm và 13 sinh viên của 3 ngành Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh và Lịch sử )

Các ngành nghề khác cũng chiếm tỷ lệ đông với 54 bạn sinh viên (13%). Đa phần là các nghề như phiên dịch, gia sư, content, thiết kế, văn phòng, thực tập… Nhiều ngành nghề khác nhau được sinh viên của các khoa lựa chọn nhằm định hướng cho công việc sau này như phiên dịch của Ngôn ngữ Anh hay đi thực tập ở tất cả các ngành/khoa.

*\* Đặc điểm về thu nhập từ việc làm thêm*

Khoản thu nhập từ các ngành nghề khác nhau khi đi làm thêm sẽ khác nhau tùy thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm cả địa điểm, kinh nghiệm làm việc, khả năng năng lực và nhu cầu tuyển dụng. Với mức lương của các ngành nghề mà sinh viên chọn đi làm thêm thường sẽ giao động trong khoảng từ 2-4tr/ tháng. Số tiền này đủ cho một sinh viên có thể trang trải cuộc sống.

**Bảng 2.3 Bảng tổng hợp tiền lương theo giờ một số công việc làm thêm của sinh viên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Công việc làm thêm | Tiền lương/giờ |
| 1 | Sales | 15-17k |
| 2 | Phục vụ | 15-20k |
| 3 | Lễ tân | 15-18k |
| 4 | Giao hàng | 15-20k |
| 5 | Khác | 15-20k |

(Nguồn: Thống kê từ kết quả khảo sát)

15 đến 20 ngàn đồng được trả với 1 giờ làm việc là mức lương trung bình với thu nhập trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Ngoài khoản lương cố định được thỏa thuận giữa sinh viên với người thuê, người thuê sẽ trả thêm các khoản tiền phúc lợi khác như doanh số, tiền ăn ca, thưởng năng suất lao động…

Mức lương này dựa trên thỏa thuận giữa sinh viên và người thuê, dựa trên mặt bằng chung và năng lực của từng người tuy nhiên đa phần vẫn chưa đúng với Bộ Luật lao động năm 2019 về tiền lương theo giờ ( thành phố Thái Nguyên thuộc vùng II với lương theo giờ tối thiểu là 20 ngàn đồng ). Có một tồn tại là các bạn sinh viên sẽ khó yêu cầu hay đòi hỏi chủ công ty/ doanh nghiệp về khoản lương theo giờ được nhận nếu chỉ tính trên luật quy định vì nhiều lý do khác nhau.

Nếu so sánh mức lương này với các thành phố lớn như Hà Nội hay TP.HCM, do điều kiện sống khác nhau nên mức thu nhập này sẽ thấp hơn hẳn ( khoảng 25-30k/ giờ ).

\* Đặc điểm thời gian đi làm thêm

Tương ứng với từng ngành nghề, công việc làm thêm của sinh viên cũng biến động theo thời gian và cũng có những khung giờ nhất định đi làm.

*Hình 2.4 Tỉ lệ thời gian đi làm thêm của sinh viên( Tổng hợp từ phiếu khảo sát )*

Có nhiều cơ hội làm thêm cho sinh viên trong các khung giờ khác nhau trong ngày và nhiều sinh viên có thể tìm kiếm cơ hội làm thêm khi họ không có bất kỳ lịch trình học tập hoặc các hoạt động khác vào thời gian này:

Tỷ lệ khi rảnh rỗi chiếm tỷ lệ cao nhất là 33%, cho thấy rằng nhiều sinh viên có thể tìm kiếm cơ hội làm thêm khi họ không có bất kỳ lịch trình học tập hoặc các hoạt động khác vào thời gian này. 134 bạn sinh viên của tất cả các khóa/ ngành với nhiều ngành nghề đều lựa chọn đi làm thêm vào thời gian rảnh rỗi. Nó không phải thời gian cụ thể trong ngày và có thể linh hoạt thay đổi nên đều có thể phù hợp với lịch học cũng như thời gian làm việc.

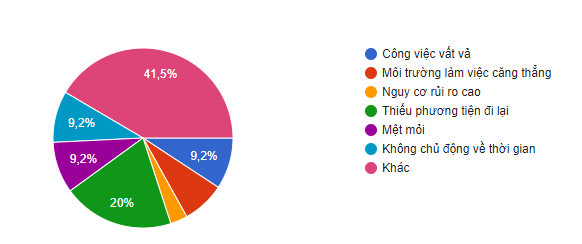
Thời gian làm thêm vào buổi tối chiếm tỷ lệ cao thứ hai với 30%. Có thể do nhu cầu làm việc sau giờ học.Có 102 sinh viên làm thêm các công việc như phục vụ hay lễ tân sẽ chọn khoảng thời gian này để đi làm do yêu cầu của công việc. Cùng với đó có 11 sinh viên làm công việc giao hàng sẽ làm vào thời gian buổi tối. Ngoài ra thì có một số sinh viên đi làm gia sư cũng chọn thời gian này để dạy thêm với 9 sinh viên.

Tỷ lệ làm thêm vào buổi chiều là 26%, đây là thời gian phù hợp với sinh viên sau khi họ đã kết thúc các lớp học và nhiều công ty có nhu cầu tuyển nhân viên làm thêm vào buổi chiều. Tương tự như khoảng thời gian buổi tối, sinh viên làm thêm ở các ngành như phục vụ (36 sinh viên) hay lễ tân (15 sinh viên) sẽ lựa chọn do phù hợp về thời gian , ngoài ra thì sinh viên làm thêm sales (40 sinh viên) hay giao hàng (13 sinh viên ) cũng có thể lựa chọn khoảng thời gian này.

Tỷ lệ làm thêm vào cuối tuần là 6%, có thể là do nhiều sinh viên có các hoạt động khác vào cuối tuần, nhưng vẫn có một số cơ hội làm thêm vào các ngày cuối tuần. Đa phần các công việc làm thêm của sinh viên đều có thể làm việc vào cuối tuần, tuy nhiên do có nhiều hoạt động vào cuối tuần ( giải trí, về quê thăm nhà … ) nên tỉ lệ đi làm thêm vào cuối tuần ít.

Tỷ lệ làm thêm vào buổi sáng là 5%, chỉ thể hiện một số lượng nhỏ các cơ hội làm việc phù hợp cho sinh viên vào buổi sáng. Công việc vào buổi sáng thường hay là các công việc giao hàng, sales nên thường là những bạn sinh viên làm thêm ở 2 ngành nghề này đi làm, tuy nhiên có lẽ không phù hợp với lịch học nên tỷ lệ làm thêm vào buổi sáng là thấp nhất.

* 1. **Tác động của việc làm thêm đối với hoạt động học tập của sinh viên.**



*Hình 2.5 Biểu đồ các khó khăn trong làm thêm của sinh viên ( tổng hợp từ phiếu khảo sát)*

Trong khi đi làm thêm, sinh viên có thể gặp phải nhiều khó khăn và trở ngại khác nhau, ảnh hưởng đến việc học tập.

Công việc vất vả: Nếu công việc làm thêm của sinh viên đòi hỏi sức lực cao, đòi hỏi phải đứng lâu hoặc làm việc nặng nhọc, thì điều này có thể gây ra sự mệt mỏi, giảm năng suất học tập và cảm giác khó chịu.

Môi trường làm việc căng thẳng: Một số công việc có thể yêu cầu sự tập trung cao độ, giao tiếp nhiều hoặc phải làm việc dưới áp lực, điều này có thể gây ra sự căng thẳng, lo lắng và mất tập trung khi học.

Nguy cơ rủi ro cao: Nếu công việc làm thêm của sinh viên đòi hỏi phải làm việc trong môi trường nguy hiểm, có nguy cơ tai nạn, điều này có thể làm tăng sự lo lắng và ảnh hưởng đến sự tập trung khi học.

Thiếu phương tiện đi lại: Nếu công việc làm thêm yêu cầu phải di chuyển đến nhiều địa điểm khác nhau mà sinh viên không có phương tiện đi lại, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng đi học đúng giờ và kịp thời.

Mệt mỏi: Làm việc nhiều giờ liên tục, nhiều ngày trong tuần có thể dẫn đến sự mệt mỏi và làm giảm năng suất học tập.

Không chủ động về thời gian: Nếu sinh viên không có khả năng quản lý thời gian tốt khi đi làm thêm, điều này có thể làm giảm thời gian học tập và gây ra sự cố gắng về mặt thời gian để hoàn thành các bài tập và dự án.

Khác: Một số trở ngại khác có thể bao gồm sự đòi hỏi về kỹ năng và kinh nghiệm, sự khó khăn trong quản lý công việc và cuộc sống, hoặc những trở ngại tài chính khác.

**Bảng 2.4 Tổng một số tác động tích cực và tiêu cực về công việc làm thêm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác động** | | **Việc làm thêm** | | | | |
| **Sale** | **Phục vụ** | **Lễ tân** | **Giao hàng** | **Khác** |
| Tích cực | Có thêm nhiều kiến thức về ngành học | 1 | 1 | 1 | 1 | 10 |
| Học thêm nhiều kỹ năng mềm và hoạt động nhóm | 15 | 13 | 10 | 5 | 5 |
| Mở rộng mối quan hệ | 8 | 12 | 5 | 9 | 3 |
| Tiêu cực | Không đảm bảo sức khỏe | 3 | 2 | 5 | 1 | 4 |
| Đi học muộn hoặc bỏ tiết vì vướng ca làm | 1 | 2 | 0 | 0 | 1 |
| Mất tập trung trong học tập | 2 | 3 | 1 | 1 | 2 |

***(Nguồn: Thống kê từ kết quả khảo sát)***

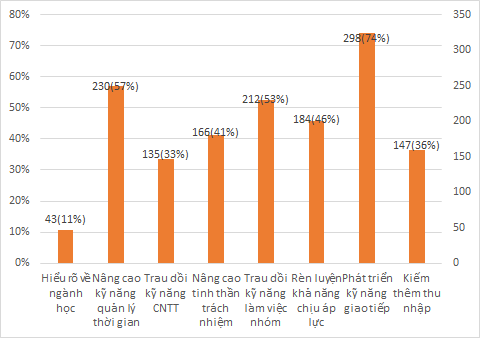
Bảng tổng hợp khảo sát một số tác động tích cực và tiêu cực của sinh viên cho thấy đa phần sinh viên cảm thấy những tác động tích cực từ việc làm thêm là nhiều hơn so với tác động tiêu cực.

Phần đông sinh viên thấy rằng việc đi làm thêm sẽ giúp đem lại thêm nhiều kỹ năng mềm và kỹ năng hoạt động nhóm. Khi làm thêm, sinh viên cũng có cơ hội tiếp cận với nhiều hoạt động nhóm và học được nhiều kỹ năng mềm như giao tiếp, quản lý thời gian, xử lý tình huống,... những kỹ năng này sẽ giúp cho sinh viên tự tin và thành công hơn trong tương lai. Ngoài ra ở những công việc theo đúng chuyên ngành của sinh viên, sinh viên cũng sẽ học được thêm nhiều kiến thức về ngành học của mình.

Ngoài ra các tác động tiêu cực cũng được các bạn sinh viên phản ánh trong bảng. Việc bỏ tiết hay muộn học xảy ra ít do ý thức về hoạt động học tập và cách quản lý thời gian của các bạn sinh viên khá tốt. Tuy nhiên việc làm thêm cũng đã ảnh hưởng đến sức khỏe của sinh viên và dẫn tới không tập trung vào hoạt động học tập.

***Dưới đây sẽ là các phân tích chi tiết về từng tác động của việc làm thêm với hoạt động học tập của sinh viên***

***2.3.1.Tác động tích cực***



*Hình 2.6 Biểu đồ ý kiến của sinh viên về tác động tích cực( tổng hợp từ phiếu khảo sát )*

Dưới đây sẽ là phân tích của nhóm nghiên cứu về các tác động tích cực của việc làm thêm đối với hoạt động học tập của sinh viên.

*Đi làm thêm giúp cho sinh viên có thêm thu nhập để trang trải cuộc sống*.

*Hình 2.7 Biểu đồ tiền lương một giờ sinh viên nhận được( tổng hợp từ phiếu khảo sát )*

Sinh viên đi làm thêm với nhiều ngành nghề và khoảng thời gian khác nhau, nhưng nhìn chung đều sẽ có một mức thu nhập nhất định (15.000-20.000/h). Mức thu nhập này đủ cho một bạn sinh viên có thể sinh sống thoải mái hơn. Ngoài ra cũng làm giảm bớt đi gánh nặng tiền bạc cho bố mẹ, gia đình. Tỷ lệ sinh viên đi làm để kiếm thêm thu nhập chiếm khoảng 36% với đa phần là các bạn từ khoa Khoa học quản lý, Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh… với công việc sales, phục vụ. Thường là các bạn sinh viên năm 3, 4 có nhiều khoản chi tiêu và muốn bớt phụ thuộc vào gia đình sẽ lựa chọn đi làm thêm vì lý do này.

*Phát triển kỹ năng giao tiếp.*

Kỹ năng giao tiếp là một kỹ năng rất quan trọng và cần thiết để thành công trong cuộc sống và công việc. Các công việc làm thêm của sinh viên như đã tổng hợp ( sales, phục vụ, lễ tân, giao hàng… ) giúp tạo điều kiện giao tiếp, trao đổi thông tin với nhiều người khác nhau. Điều này khiến sinh viên cởi mở hơn trong việc nói chuyện, giao tiếp với người khác. Việc được thực hành thường xuyên khi giao tiếp với người lạ có thể khiến bản than tự tin và cải thiện được kỹ năng giao tiếp. Sinh viên của tất cả các khoa( đa phần là sinh viên năm 2 và năm 3 ) đi làm thêm sẽ nhắm tới tiêu chí này hàng đầu và lựa chọn các công việc như sales, phục vụ, lễ tân với tỉ lệ 74%

*Rèn luyện khả năng chịu áp lực.*

Khi đi làm từ sớm, dù là công việc bán thời gian nhưng đôi lúc cũng sẽ có những áp lực công việc riêng (không đạt KPI, đông khách,… ). Điều này có thể giúp rèn luyện khả năng chịu áp lực. Đây là một kỹ năng quan trọng trong công việc, giúp giải quyết các tình huống khó khăn và đạt được mục tiêu. Sinh viên ở cả đa phần các khoa như Du lịch, Ngôn ngữ Anh, Quản lý TDTT, Lịch sử và Khoa học quản lý lựa chọn công việc phục vụ đều cho rằng đây là công việc tốt để rèn luyện khả năng chịu áp lực với tỉ lệ 46%.

*Trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, phân công công việc.*

Ở những công việc như sales, phục vụ ,..sinh viên đều phải làm việc theo nhóm. Khi làm việc, sinh viên sẽ nâng cao được tinh thần trách nhiệm và sự chủ động trong công việc của bản thân. Khi được phân công một phần công việc riêng, có thể học được cách làm việc độc lập. Ngoài ra với sự nhanh nhạy của sinh viên hiện nay, rất nhiều bạn sẽ nhìn nhận và học tập rất nhanh cách phân công công việc của người thuê để có thể trau dồi thêm kỹ năng phân công và quản lý công việc một cách công bằng, hiệu quả. Sinh viên của tất cả các khóa/ngành ở làm thêm ở một vài công việc khác như văn phòng, hoặc sinh viên làm thêm sales, phục vụ đều cho rằng công việc làm thêm này sẽ tăng khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và phân công công việc với tỷ lệ 33%

*Nâng cao tinh thần trách nhiệm.*

Khi đi làm, sinh viên phải có cam kết với người thuê, điều này giúp thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của sinh viên hơn. Có những lúc mắc sai lầm khi làm việc, biết sửa sai và lắng nghe cũng là một phần để sinh viên có thêm tinh thần trách nhiệm với công việc và rộng hơn là cuộc sống của chính bản thân. Ngoài ra, các bạn sinh viên đều sẽ có một mục tiêu rõ ràng khi lựa chọn đi làm thêm sẽ giúp các bạn dễ dàng hơn trong việc tiếp cận và hoàn thành công việc cũng như cân bằng giữa học và làm. Tỷ lệ sinh viên cho rằng đi làm thêm sẽ nâng cao tinh thần trách nhiệm là 41% với đa phần ở công việc giao hàng và gia sư, chủ yếu là các bạn sinh viên nam ở tất cả các khóa/ngành và các bạn sinh viên Ngôn Ngữ Anh, Văn, Lịch sử.

*Trau dồi kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, hiểu biết về nghề nghiệp và thay đổi nhận thức.*

Công nghệ thông tin hiện nay phát triển mạnh mẽ, việc áp dụng công nghệ thông tin vào từng ngành nghề đã rất phổ biến. Những công việc làm thêm như sales, viết content,… giúp sinh viên học hỏi được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, cách sử dụng phần mềm, thiết bị điện tử cho đến những công nghệ mới nhất. Nắm vững kiến thức cơ bản về ngành nghề của bạn, từ các khái niệm đến các quy trình làm việc. Đặt ra các mục tiêu thử thách bản thân và đổi mới để có được những trải nghiệm mới mẻ và phát triển kỹ năng của mình. Học hỏi được nhiều từ những người đã có kinh nghiệm sống và học thêm được nhiều kỹ năng sống cần thiết. Tỷ lệ sinh viên cho rằng đi làm thêm giúp trau dồi kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, hiểu biết về nghề nghiệp và thay đổi nhận thức là 33% với đa phần sinh viên đi làm thêm ngành sales, ngoài ra có một số ít làm các công việc khác và trải đều ở cả các khoa Công tác xã hội và Khoa học quản lý. Đa phần các bạn sinh viên năm 4 sẽ chú trọng đến kỹ năng này hơn để phục vụ cho công việc sau khi ra trường.

*Kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch*.

Khi đi làm thêm, sinh viên sẽ lập kế hoạch và đặt được mục tiêu cho bản

thân để đảm bảo rằng sẽ có một mục tiêu rõ ràng để đạt được trong công việc. Học được việc lập kế hoạch cho quản lý tiền bạc, đảm bảo rằng không tiêu quá tay và các hoạt động giải trí. Ngoài ra sinh viên còn sẽ lập lịch và quản lý thời gian của mình để phân bố hợp lý cho công việc, học tập và giải trí. Tỷ lệ sinh viên cho rằng đi làm thêm giúp quản lý thời gian và lập kế hoạch tốt hơn chiếm 57% với tất cả các bạn sinh viên đang học năm nhất và năm hai. Đây là kỹ năng phải có nếu các bạn đi làm thêm và không muốn việc làm thêm ảnh hưởng tới hoạt động học tập của mình, vì vậy nên các bạn sinh viên năm đầu sẽ chú trọng vào kỹ năng này nhiều.

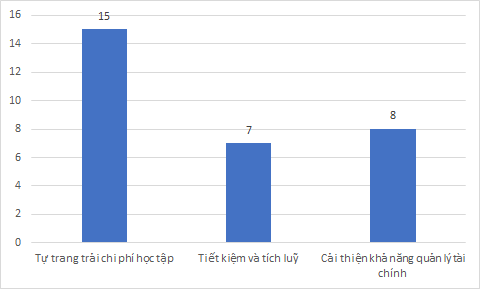
*Việc làm thêm giúp sinh viên có thể tập trung vào các môn học cụ thể hơn, công việc phù hợp với ngành học giúp sinh viên hiểu rõ hơn về chuyên ngành, nghề nghiệp sau khi ra trường.*

Khi đã có kinh nghiệm làm việc, cũng như sự giao tiếp và học hỏi từ người

có nhiều kinh nghiệm, sinh viên có thể đặt ra được mục tiêu nghề nghiệp cho bản thân trong tương lai, bớt đi sự mông lung về định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường. Hiểu rõ bản thân muốn làm công việc gì sau khi ra trường sẽ giúp sinh viên có một định hướng tốt hơn trong việc học tập, hiểu rõ hơn về chuyên ngành cần học và nghề nghiệp mình sẽ hướng đến. Đa phần các bạn sinh viên làm công việc khác phù hợp với chuyên ngành đều cho rằng đi làm thêm sẽ hiểu rõ hơn về ngành học (11%). Phần đông sinh viên ở khoa Khoa học quản lý, Công tác xã hội Ngôn ngữ Anh và khoa Văn. Đa phần các bạn sinh viên năm 3, năm 4 sẽ có định hướng để tiếp cận và làm thêm công việc đúng với chuyên ngành mà mình lựa chọn. **\*Phỏng vấn sâu**

Để thu thập các thông tin khách quan về tác động của việc đi làm thêm đối với hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Khoa học, ngoài phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, nhóm nghiên cứu còn thực hiện phương pháp phỏng vấn sâu. Nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 30 sinh viên thuộc các nhóm ngành khác nhau (Khoa học quản lý: 5 sinh viên; Công tác xã hội: 6 sinh viên; Lịch sử: 3 sinh viên; Luật: 6 sinh viên; Ngôn ngữ anh: 3 sinh viên; Văn: 2 sinh viên; Du lịch: 5 sinh viên). Tổng hợp ý kiến về những tác động tích cực, nhóm nghiên cứu đã có phân tích như sau:

1. *Kiếm thêm thu nhập*



*Biểu đồ các tác động trong kiếm thêm thu nhập*

Tiến hành phỏng vấn sâu về việc kiếm thêm thu nhập thông qua việc là thêm của sinh viên, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp được những tác động tích cực mà sinh viên đã đạt được.

Tự trang trải chi phí học tập: 15 sinh viên cho rằng đi làm thêm giúp bản thân có nguồn thu nhập riêng, từ đó có khả năng tự trang trải các chi phí học tập như học phí, sách vở, đồ dùng học tập, hoặc tham gia các hoạt động ngoại khoá, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính đối với gia đình và có thể đạt được độc lập tài chính trong quá trình học tập, trong đó gồm Khoa học quản lý 3 sinh viên, Công tác xã hội 3 sinh viên, Lịch sử 1 sinh viên, Luật 3 sinh viên, Du lịch 2 sinh viên, Ngôn ngữ Anh 2 sinh viên và Văn 1 sinh viên.

Tiết kiệm và tích luỹ tiền bạc:7 sinh viên cho rằng khi có thu nhập từ công việc làm thêm, bản thân học được cách tiết kiệm và quản lý tài chính hiệu quả, học cách đưa ra quyết định đúng đắn về việc chi tiêu và đầu tư tiền bạc, đồng thời tích luỹ tiền bạc để có thể đáp ứng các nhu cầu trong tương lai. Trong đó khoa Lịch sử không có sinh viên nào lựa chọn, khoa Công tác xã hội có 2 sinh viên và 6 khoa còn lại mỗi khoa 1 sinh viên.

Cải thiện khả năng quản lý tài chính, chi tiêu: 8 sinh viên cho rằng công việc làm thêm đòi hỏi phải tự quản lý thu nhập và chi tiêu của mình. Điều này giúp sinh viên phát triển khả năng quản lý tài chính và chi tiêu, học cách lập kế hoạch tài chính, định kỳ theo dõi thu nhập và chi tiêu, điều tiết nguồn lực tài chính một cách hiệu quả. Trong đó gồm 1 sinh viên Khoa học quản lý, 2 sinh viên Công tác xã hội, 2 sinh viên lịch sử, 2 sinh viên Luật và 1 sinh viên Du lịch.

1. Phát triển kỹ năng giao tiếp

*Biểu đồ các tác động để phát triển kỹ năng giao tiếp*

Làm thêm giúp sinh viên cải thiện được kỹ năng giao tiếp một cách tích cực. Qua phỏng vấn sâu, nhóm nghiên cứu có tổng hợp lại như sau:

Giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng: Việc làm thêm thường đòi hỏi sinh viên phải giao tiếp với các đồng nghiệp, cấp trên, hoặc khách hàng trong môi trường làm việc. Điều này giúp sinh viên rèn luyện khả năng giao tiếp trong môi trường công việc thực tế, học cách thích ứng với nhiều loại người, hiểu về các nhu cầu và yêu cầu của khách hàng, và học cách truyền đạt ý kiến, ý tưởng, hoặc thông tin một cách rõ ràng và hiệu quả. Có 2 sinh viên Khoa học quản lý, 2 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 2 sinh viên Luật, 1 sinh viên Du lịch, 1 sinh viên Ngôn ngữ Anh, 1 sinh viên Văn cho rằng bản thân đã phát triển tốt kỹ năng giao tiếp nhờ vào việc giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng khi đi làm thêm.

Giao tiếp trong môi trường đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa: Trong một số công việc làm thêm, sinh viên có thể phải giao tiếp với đồng nghiệp hoặc khách hàng đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa. Việc này giúp sinh viên phát triển khả năng giao tiếp đa văn hóa, hiểu về sự đa dạng trong giao tiếp và học cách đối phó với các tình huống giao tiếp phức tạp trong môi trường đa văn hóa. 2 sinh viên Ngôn ngữ Anh và 2 sinh viên Du lịch cho rằng bản thân đã phát triển tốt kỹ năng giao tiếp của mình nhờ vào việc giao tiếp ở môi trường đa dạng về ngôn ngữ, văn hoá.

Giao tiếp trong các vai trò khác nhau: Công việc làm thêm có thể đưa sinh viên vào các vai trò khác nhau, từ việc phục vụ khách hàng, đến công việc nhóm, hoặc giải quyết vấn đề. Điều này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong các vai trò khác nhau, học cách thích ứng với các tình huống khác nhau, và phát triển khả năng giao tiếp linh hoạt và đa dạng. Có 1 sinh viên Khoa học quản lý, 3 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 2 sinh viên Luật và 1 sinh viên Du lịch cho rằng bản thân đã phát triển kỹ năng giao tiếp nhờ giao tiếp trong các vai trò khác nhau.

Giao tiếp trong môi trường động, nhanh chóng: Nhiều công việc làm thêm đòi hỏi sinh viên phải làm việc trong môi trường động, nhanh chóng, ví dụ như nhà hàng, quán cà phê, hoặc các sự kiện. Việc này giúp sinh viên phát triển khả năng giao tiếp trong môi trường áp lực, rèn luyện khả năng thích ứng nhanh chóng và giải quyết các tình huống giao tiếp khó khăn trong môi trường có tính chuyên nghiệp. Có 2 sinh viên Khoa học quản lý, 1 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 2 sinh viên Luật, 1 sinh viên Văn và 1 sinh viên Du lịch cho rằng bản thân đã phát triển kỹ năng giao tiếp nhờ giao tiếp trong môi trường động, nhanh chóng.

1. Kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập

*Biểu đồ các tác động để trau dồi kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập*

Nhóm nghiên cứu đã tổng hợp lại những cách mà sinh viên có thể phát triển kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập trong khi đi làm thêm như sau:

Làm việc cùng đồng nghiệp: Trong một số công việc làm thêm, sinh viên sẽ có cơ hội làm việc cùng với các đồng nghiệp khác. Việc này giúp sinh viên hiểu về tầm quan trọng của làm việc nhóm, học cách chia sẻ công việc, đồng thuận, hỗ trợ và tương tác với đồng nghiệp để hoàn thành mục tiêu công việc chung. Có 1 sinh viên Khoa học quản lý, 2 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 2 sinh viên Luật và 1 sinh viên Du lịch, 1 sinh viên Ngôn ngữ Anh cho rằng bản thân đã phát triển kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập vào làm việc cùng đồng nghiệp.

Làm việc trong dự án hoặc công việc nhóm: Nhiều công việc làm thêm yêu cầu sinh viên tham gia vào các dự án hoặc công việc nhóm. Điều này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, học cách phân công công việc, làm việc với các thành viên trong nhóm, giải quyết các vấn đề, và đạt được mục tiêu của dự án hoặc công việc nhóm. Có 2 sinh viên Khoa học quản lý, 2 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 2 sinh viên Luật và 1 sinh viên Du lịch, 1 sinh viên Ngôn ngữ Anh cho rằng bản thân đã phát triển kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập vào làm việc trong dự án hoặc công việc nhóm.

Học cách hợp tác và đồng thuận: Việc làm thêm cũng giúp sinh viên học cách hợp tác và đồng thuận với các đồng nghiệp khác trong môi trường làm việc thực tế. Sinh viên sẽ phải đối mặt với các ý kiến, quan điểm, hoặc phong cách làm việc khác nhau từ các đồng nghiệp, và học cách hợp tác, thương lượng và đạt đồng thuận để hoàn thành công việc. Có 2 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 1 sinh viên Luật và 1 sinh viên Du lịch, 1 sinh viên Ngôn ngữ Anh cho rằng bản thân đã phát triển kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập vào học cách hợp tác và đồng thuận.

Nắm vững kỹ năng giao tiếp trong công việc nhóm: Công việc làm thêm cũng đòi hỏi sinh viên phải nắm vững kỹ năng giao tiếp trong công việc nhóm, bao gồm việc lắng nghe, trao đổi ý kiến, truyền đạt thông tin, đưa ra phản hồi và đối phó với các tình huống giao tiếp phức tạp trong môi trường làm việc. Có 2 sinh viên Khoa học quản lý, 1 sinh viên Luật và 2 sinh viên Du lịch, 2 sinh viên Văn cho rằng bản thân đã phát triển kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập vào học cách hợp tác và đồng thuận.

1. Khả năng quản lý thời gian và lập kế hoạch

*Biểu đồ các tác động để phát triển khả năng quản lý thời gian và lập kế hoạch*

Học cách phân bổ thời gian: Khi sinh viên làm thêm, họ phải chia sẻ thời gian giữa công việc, học tập và các hoạt động khác. Điều này đòi hỏi kỹ năng phân bổ thời gian hiệu quả. Sinh viên cần phải học cách ưu tiên nhiệm vụ quan trọng và hoàn thành chúng theo lịch trình. Việc này giúp sinh viên rèn luyện khả năng quản lý thời gian, tránh bị áp lực và giúp tận dụng hiệu quả thời gian. Có 2 sinh viên Khoa học quản lý, 2 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 2 sinh viên Luật, 1 sinh viên du Lịch và 1 sinh viên Ngôn ngữ Anh cho rằng học cách phân bổ thời gian giúp phát triển khả năng quản lý thời gian và lập kế hoạch.

Kỹ năng quản lý công việc: Việc làm thêm đòi hỏi sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ công việc cụ thể và hoàn thành chúng đúng thời hạn. Điều này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng quản lý công việc, như việc lập kế hoạch, đặt mục tiêu, tổ chức công việc và đạt được kết quả mong muốn. Có 1 sinh viên Khoa học quản lý, 1 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 1sinh viên Luật, 1 sinh viên du Lịch và 1 sinh viên Văn cho rằng kỹ năng quản lý công việc giúp phát triển khả năng quản lý thời gian và lập kế hoạch.

Nâng cao kỹ năng tự tổ chức: Khi sinh viên làm thêm, họ cần phải tự tổ chức công việc của mình để đảm bảo không xung đột với thời gian học tập và sinh hoạt cá nhân. Điều này yêu cầu sinh viên phải học cách tổ chức công việc, quản lý tài nguyên và định hướng mục tiêu để đạt được hiệu quả cao. Có 1 sinh viên Khoa học quản lý, 2 sinh viên Công tác xã hội, 1 sinh viên Lịch sử, 1sinh viên Luật, 1 sinh viên Du lịch cho rằng nâng cao kỹ năng tự tổ chức giúp phát triển khả năng quản lý thời gian và lập kế hoạch.

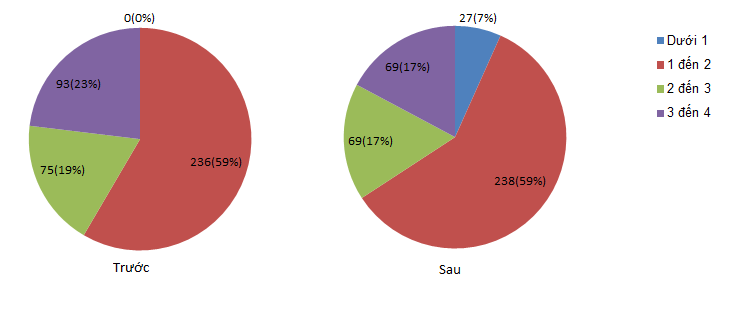
Xử lý stress và áp lực: Việc làm thêm có thể đem lại áp lực cho sinh viên khi phải đối mặt với công việc, học tập và cuộc sống cá nhân. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để sinh viên rèn luyện kỹ năng xử lý stress và áp lực. Sinh viên cần học cách đối mặt với stress, quản lý áp lực và duy trì sự cân bằng trong cuộc sống. Có 1 sinh viên Khoa học quản lý, 1 sinh viên Công tác xã hội, 2 sinh viên Luật cho rằng xử lý stress và áp lực giúp phát triển khả năng quản lý thời gian và lập kế hoạch.

Tăng khả năng đa nhiệm: Việc làm thêm đòi hỏi sinh viên phải đồng thời đối phó với công việc và học tập. Điều này đòi hỏi sinh viên phải có khả năng đa nhiệm và hiệu quả trong việc chuyển đổi giữa các công việc khác nhau. Điều này cũng giúp sinh viên học cách phân bổ tài nguyên thời gian và năng lượng của mình để đạt được hiệu suất cao trong cả công việc và học tập. 2 sinh viên du Lịch, 1 sinh viên Văn và 2 sinh viên Du lịch cho rằng tăng quả năng đa nhiệm giúp phát triển khả năng quản lý thời gian và lập kế hoạch.

***Việc làm thêm có nhiều tác động tích cực mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, từ tích luỹ kinh nghiệm, định hướng nghề nghiệp, nguồn thu nhập bổ sung, rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian và phát triển kỹ năng mềm.***

* + 1. ***Tác động tiêu cực***

Ngoài những tác động tích cực mà việc làm thêm mang lại, nó còn đi kèm cả những tác động tiêu cực, rủi ro mà sinh viên có thể mắc phải.



*Hình 2.8 Điểm số sinh viên trước và sau khi đi làm thêm( tổng hợp từ phiếu khảo sát )*

Hình 2.8 là kết quả bảng điểm trước và sau khi đi làm thêm của sinh viên ( đã có làm tròn số % ) .

Việc đi làm thêm của sinh viên có tác động tiêu cực trong quá trình học tập. Nếu nhìn vào bảng điểm của sinh viên, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng việc đi làm thêm đã làm giảm đi kết quả học tập của sinh viên. Số lượng sinh viên bị dưới điểm 1 không hề có trước khi đi làm, nhưng gia tăng 7% ( 27 sinh viên ) sau 1 khoảng thời gian đi làm. Số lượng sinh viên khá – giỏi (GPA 3 đến 4 ) giảm sút, sinh viên trung bình khá (2-3) cũng giảm. Sinh viên bị giảm điểm gpa rơi rải rác ở các khoa. Có thể lý giải việc giảm sút GPA ở sinh viên các khoa bằng nhiều lý do khác nhau như khối lượng môn học, tâm lý sinh viên… nhưng chắc chắn không thể phủ nhận rằng, việc làm thêm đã đem đến tác động tiêu cực và phản ảnh trực tiếp lên điểm số của nhiều sinh viên khi tổng hợp lại trước và sau khi đi làm.

Để lý giải về việc giảm sút kết quả học tập, nhóm nghiên cứu có tổng hợp lại trong biểu đồ sau

*Hình 2.9 Tỷ lệ một số tác động tiêu cực của làm thêm với hoạt động học tập của sinh viên*

*( tổng hợp từ phiếu khảo sát )*

*Việc làm thêm có thể làm giảm sự tập trung của sinh viên trong học tập.*

*Hình 2.9.1 Số giờ làm thêm của sinh viên*

Hình 2.9.1 là biểu đồ thể hiện số giờ làm thêm của sinh viên trong một ngày. Việc làm thêm của sinh viên đều có yêu cầu khoảng thời gian tối thiểu ( đối với công việc văn phòng như tele sales hoặc công việc bán hàng, phục vụ…) 65% sinh viên đi làm trên 4 tiếng một ngày.

Nếu không quản lý tốt quỹ thời gian của mình và cân bằng được học và làm, sẽ có những yếu tố ảnh hưởng đến sự tập trung của sinh viên trong hoạt động học tập:

Mệt mỏi và căng thẳng: Nếu sinh viên làm thêm quá nhiều giờ trong một tuần, họ có thể trở nên mệt mỏi và căng thẳng. Điều này làm giảm sự tập trung của họ trong lớp học và trong việc học tập ngoài giờ.

Áp lực thời gian: Nếu sinh viên không quản lý thời gian của mình một cách hiệu quả, họ có thể bị áp lực thời gian khi phải kết hợp giữa công việc làm thêm và việc học tập. Áp lực thời gian này có thể làm giảm sự tập trung của sinh viên và dẫn đến hiệu suất học tập kém.

Thiếu giấc ngủ: Nếu sinh viên phải làm thêm vào ban đêm hoặc sớm vào buổi sáng, họ có thể bị thiếu giấc ngủ. Thiếu giấc ngủ có thể làm giảm sự tập trung của sinh viên và làm giảm hiệu suất học tập.

Công việc làm thêm quá nhiều: Nếu công việc làm thêm đòi hỏi sinh viên phải làm việc quá nhiều, họ có thể không có đủ thời gian để tập trung vào việc học tập. Điều này có thể dẫn đến thiếu sự tập trung trong lớp học và làm giảm hiệu quả học tập.

Tư duy suy nghĩ tiêu cực: Nếu sinh viên đã làm thêm một thời gian dài mà không thấy kết quả tốt, họ có thể trở nên tiêu cực và không còn muốn tập trung vào việc học tập nữa. Điều này có thể dẫn đến hiệu suất học tập kém và sự tập trung trong lớp học giảm đi.

Việc đi làm thêm đã làm giảm sự tập trung của sinh viên trong hoạt động học tập. Có 8 sinh viên Lịch sử, 23 sinh viên Khoa học quản lý, 11 sinh viên Công tác xã hội, 16 sinh viên Luật, 24 sinh viên Ngôn ngữ Anh,10 sinh viên Văn, 20 sinh viên Du lịch và 9 sinh viên Quản lý TDTT cho rằng việc đi làm thêm đã làm bản thân giảm sự tập trung với hoạt động học tập. Những sinh viên này làm thêm ở nhiều ngành nghề khác nhau nhưng chủ yếu là phục vụ và giao hàng.

*Việc làm thêm khiến sinh viên thiếu thời gian học tập.*

Ngoài số giờ làm việc ra, khoảng thời gian làm việc của sinh viên thường vào thời gian rảnh rỗi (33%) và các buổi tối (30%). Đây là thời gian mà sinh viên cần nghỉ ngơi, giải trí và xem lại các bài giảng trên lớp. Đi làm thêm vào khoảng thời gian này khiến việc tự học không đủ. Học trên lớp thôi là chưa đủ để củng cố kiến thức và để giúp sinh viên có nền tảng khi ra trường. Ngoài ra nhiều sinh viên còn đi làm thêm vào buổi sáng và buổi chiều. Đôi khi sẽ trùng với lịch học trên trường và các bạn sẽ lựa chọn đi làm vì trách nhiệm với công việc. Nó khiến bản thân sinh viên sẽ có những lỗ hổng kiến thức khi nghỉ buổi học và thậm chí sẽ không thể theo kịp kiến thức trên lớp khi. Một số tác động tiêu cực của việc thiếu thời gian học tập lên hoạt động học tập như:

1. Thiếu thời gian: Khi sinh viên làm thêm, thời gian dành cho học tập sẽ bị giới hạn. Việc phải đối mặt với công việc làm thêm và học tập đồng thời có thể làm cho sinh viên cảm thấy căng thẳng và áp lực, đồng thời giảm bớt thời gian học tập và làm bài tập. Điều này có thể dẫn đến việc không đủ thời gian để nắm vững nội dung học tập, hoàn thành bài tập đúng hạn hoặc chuẩn bị cho các kỳ thi.

2. Mệt mỏi và stress: Làm việc thêm giờ đồng nghĩa với thêm áp lực công việc và thời gian làm việc. Điều này có thể gây ra mệt mỏi, stress và giảm năng suất trong việc học tập. Khi sinh viên cảm thấy kiệt sức và căng thẳng vì công việc làm thêm, khả năng tập trung và hấp thụ kiến thức trong quá trình học tập sẽ giảm, ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình học tập.

3. Giảm khả năng tham gia hoạt động ngoại khóa: Sinh viên cần tham gia hoạt động ngoại khóa như các câu lạc bộ, hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, v.v. để phát triển các kỹ năng xã hội, mở rộng mạng lưới xã hội và nâng cao khả năng tự phát triển. Tuy nhiên, việc làm thêm có thể làm giảm khả năng tham gia vào các hoạt động này, do sinh viên đã bị ràng buộc bởi công việc làm thêm, đồng nghĩa với việc giảm bớt cơ hội phát triển các kỹ năng xã hội quan trọng.

Có 5 sinh viên Lịch sử, 30 sinh viên Khoa học quản lý, 11 sinh viên Công tác xã hội, 13 sinh viên Luật, 31 sinh viên Ngôn ngữ Anh,13 sinh viên Văn, 37 sinh viên Du lịch và 29 sinh viên Quản lý TDTT cho rằng việc đi làm thêm đã làm bản thân thiếu thời gian trong với hoạt động học tập.

*Việc làm thêm còn có thể làm giảm sự tự tin của sinh viên trong học tập*.

Với thời gian đi làm nhiều, việc thiếu thời gian giải trí sẽ làm giảm năng lượng. Khi sinh viên làm thêm quá nhiều, họ sẽ dành ít thời gian hơn cho việc học tập và các hoạt động khác. Điều này có thể gây ra sự mệt mỏi và căng thẳng, ảnh hưởng đến khả năng tập trung và hiệu quả học tập. Khi cảm thấy thiếu tự tin vì không đạt được kết quả tốt trong học tập, sinh viên có thể bị suy giảm sự tự tin của mình.

Sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa công việc và học tập. Nếu họ không thể đáp ứng được yêu cầu của cả hai hoạt động, sinh viên có thể cảm thấy bất an và không tự tin với bản thân.Khi sinh viên không dành đủ thời gian và năng lượng cho việc học tập, họ có thể không thể tiến bộ được trong học tập và có được thành tích cao. Điều này có thể làm giảm sự tự tin của sinh viên trong học tập.Ngoài ra xã hội thường đánh giá cao thành tích học tập và đòi hỏi sinh viên đạt được những kết quả cao. Khi sinh viên phải làm thêm để đáp ứng nhu cầu tài chính, họ có thể cảm thấy áp lực từ xã hội và cảm thấy không tự tin vì không đáp ứng được yêu cầu của xã hội.Việc làm thêm có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự tự tin của sinh viên trong hoạt động học tập dưới một số góc độ sau:

1. Mất thời gian và năng lượng: Khi sinh viên làm thêm, họ sẽ phải dành nhiều thời gian và năng lượng cho công việc làm thêm, điều này có thể làm giảm thời gian và năng lượng còn lại để tập trung vào học tập. Điều này có thể dẫn đến sự mệt mỏi, căng thẳng và giảm khả năng tập trung trong việc học, ảnh hưởng đến sự tự tin của sinh viên trong hoạt động học tập.
2. Thiếu thời gian cho các hoạt động học tập: Nếu sinh viên làm thêm quá nhiều giờ, họ có thể thiếu thời gian cho các hoạt động học tập như đi học, học bài, chuẩn bị bài tập và ôn tập cho các kỳ thi. Điều này có thể gây ra cảm giác bị áp lực, không đủ thời gian để hoàn thành công việc học tập và giảm sự tự tin của sinh viên trong khả năng đạt được kết quả học tập tốt.
3. Thiếu tài nguyên học tập: Khi làm thêm, sinh viên có thể không có đủ tài nguyên học tập như sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, máy tính hay kết nối internet để tiếp cận kiến thức mới. Điều này có thể hạn chế khả năng học tập và làm giảm sự tự tin của sinh viên trong việc nắm vững kiến thức và năng lực học thuật.
4. Tác động xấu từ môi trường làm việc: Nếu công việc làm thêm của sinh viên có môi trường làm việc không tốt, ví dụ như áp lực công việc cao, môi trường làm việc không thân thiện, hay phải đối mặt với sự kỳ thị hay bất công, có thể khiến sinh viên cảm thấy căng thẳng và stress. Tâm lý không ổn định này có thể gây ảnh hưởng đến tinh thần và sự tự tin của sinh viên, ảnh hưởng đến hiệu suất học tập.

Có 4 sinh viên Lịch sử, 27 sinh viên Khoa học quản lý, 9 sinh viên Công tác xã hội, 10 sinh viên Luật, 20 sinh viên Ngôn ngữ Anh,10 sinh viên Văn, 13 sinh viên Du lịch và 20 sinh viên Quản lý TDTT cho rằng việc đi làm thêm đã làm bản thân giảm tự tin trong với hoạt động học tập.

***\*Những khó khăn khi đi làm thêm của sinh viên***

Công việc vất vả: Sinh viên làm thêm có thể phải đối mặt với công việc đòi hỏi năng lực và thể lực, chẳng hạn như vận chuyển hàng hóa nặng, làm việc đêm, hay làm công việc vật lý trong ngành xây dựng, đồng thời vẫn phải đảm bảo hoạt động học tập và các hoạt động khác. Điều này có thể gây mệt mỏi, căng thẳng, và giảm chất lượng cuộc sống của sinh viên. Ví dụ như sinh viên làm công việc giao hàng phải làm việc ngoài trời với nhiều điều kiện thời tiết khắc nghiệt như nắng nóng, mưa gió, hoặc lạnh giá. Điều này có thể đòi hỏi năng lực thể lực cao và gây mệt mỏi cho sinh viên.

Môi trường làm việc căng thẳng: Một số công việc thêm có môi trường làm việc căng thẳng, chẳng hạn như làm trong ngành dịch vụ, nơi có áp lực từ khách hàng hoặc cần phải đối mặt với khách hàng khó tính. Điều này có thể làm tăng mức độ căng thẳng, stress, và giảm độ hài lòng của sinh viên đối với công việc thêm. Ví dụ như sinh viên làm thêm trong ngành dịch vụ như nhà hàng, quán ăn, khách sạn phải đối mặt với áp lực từ khách hàng, đồng thời phải làm việc trong môi trường đông đúc, ồn ào và đòi hỏi sự tập trung cao. Điều này có thể gây căng thẳng tâm lý và ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của sinh viên.

Nguy cơ rủi ro cao: Một số công việc thêm, chẳng hạn như làm việc trong ngành dịch vụ hoặc làm công việc đòi hỏi độ nguy hiểm cao, có thể đối diện với nguy cơ rủi ro, chẳng hạn như tai nạn lao động, chấn thương hoặc bị thương tích. Điều này có thể gây lo lắng, lo ngại và đôi khi ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của sinh viên. Sinh viên làm thêm trong ngành xây dựng, sản xuất hoặc vận chuyển phải đối mặt với nguy cơ rủi ro cao, chẳng hạn như tai nạn lao động, chấn thương, hoặc bị thương tích trong quá trình làm việc. Công việc trong môi trường nguy hiểm có thể đòi hỏi sinh viên phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn lao động và sẵn sàng đối phó với những tình huống khẩn cấp.

Thiếu phương tiện đi lại: Sinh viên làm thêm có thể gặp khó khăn về phương tiện đi lại đến và đi làm việc. Điều này có thể làm tăng thời gian và công sức để di chuyển giữa nơi học tập và nơi làm việc, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, thời gian và sự linh hoạt của sinh viên trong việc điều phối giữa công việc và học tập. Sinh viên làm thêm ở nơi có giao thông công cộng không thuận tiện hoặc không có phương tiện đi lại riêng, có thể gặp khó khăn trong việc di chuyển đến nơi làm việc, gây bất tiện và tốn thời gian.

Mệt mỏi: Đi làm thêm đồng nghĩa với việc sinh viên phải cân bằng giữa công việc và học tập, và đôi khi phải làm việc nhiều giờ, thậm chí làm thêm vào cuối tuần hoặc vào những thời điểm cao điểm của học kỳ. Điều này có thể dẫn đến mệt mỏi cả về thể chất lẫn tinh thần, ảnh hưởng đến năng suất học tập và chất lượng cuộc sống của sinh viên. Ví dụ như sinh viên làm việc tại nhà hàng, khách sạn phải đứng lâu trong thời gian làm việc, hoặc làm thêm vào các buổi tối trong tuần, sau khi cơ thể đã cạn kiệt năng lượng vì hoạt động học tập trên lớp. Những điều này kéo dài lâu sẽ dẫn tới cơ thể mệt mỏi, thiếu sức sống.

Không chủ động về thời gian: Đi làm thêm có thể khiến sinh viên mất đi tính chủ động về thời gian. Họ phải tuân thủ theo lịch làm việc của công ty hay đơn vị nào đó, có thể không linh hoạt trong việc sắp xếp thời gian học tập và sinh hoạt cá nhân. Điều này có thể gây ra áp lực và đôi khi sinh viên cảm thấy mất kiểm soát về thời gian của mình. Thời gian làm việc của ca làm cố định, tuân theo lịch làm việc hoặc làm việc nhiều vào cuối tuần khiến không đủ thời gian dành cho bạn bè, gia đình.

Đi làm thêm của sinh viên có thể gặp phải nhiều khó khăn như mệt mỏi, thiếu thời gian, giảm chất lượng học tập, stress và căng thẳng. Đây là những thách thức mà sinh viên cần đối mặt và cân nhắc kỹ trước khi quyết định đi làm thêm để đảm bảo sự cân bằng giữa công việc và học tập, cũng như duy trì cuộc sống cá nhân và sinh hoạt xã hội.s

**2.4 Đánh giá thực trạng tác động việc làm thêm đến hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Khoa học => GV chưa xem được.**

*2.4.1. Những ưu điểm*

Qua khảo sát, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng sinh viên của trường Đại học Khoa học rất năng động. Công việc đi làm thêm của sinh viên đa dạng và nhiều ngành nghề khác nhau. Do yếu tố công việc, ngành nghề,tỉ lệ sinh viên của trường và một số vấn đề khác, sinh viên nữ đi làm thêm nhiều hơn sinh viên. Thời gian làm việc cũng được sinh viên cân nhắc và sắp xếp hợp lý theo lịch học và thời gian sinh hoạt của bản thân. Việc làm thêm đã giúp tăng thêm thu nhập cho cá nhân mỗi bạn và ngoài ra, nó có thể giúp phát triển kỹ năng, học thêm nhiều kỹ năng khác như giao tiếp, xử lý tình huống, làm việc nhóm...Việc đi làm thêm còn giúp sinh viên xây dựng mạng lưới quan hệ từ sớm, từ đó tăng cơ hội có công việc sau khi tốt nghiệp. Hơn hết, đi làm thêm giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp, nâng cao chất lượng học tập và cảm thấy có nhiều động lực để phấn đấu.

* + 1. *Những hạn chế và nguyên nhân*

Tuy có những ưu điểm nhưng hạn chế vẫn còn rất nhiều ở việc đi làm thêm của sinh viên. Nhìn chung các công việc của sinh viên đại học Khoa học đi làm thêm đều không phù hợp với khoa, ngành học. Đa phần là các công việc tạm thời và ít giúp ích cho công việc chuyên ngành cũng như thực hành được những lý thuyết đã học trên giảng đường. Thời gian làm việc chiếm khá nhiều thời gian rảnh của sinh viên, khiến việc tự học ít đi và làm giảm chất lượng học tập.Ngoài ra còn một số hạn chế như sau:

Ảnh hưởng đến việc học tập: Việc làm thêm có thể ảnh hưởng đến khả năng tập trung của sinh viên trong việc học tập và gây ra mệt mỏi, căng thẳng.

Thiếu thời gian nghỉ ngơi: Việc làm thêm khiến sinh viên thiếu thời gian để nghỉ ngơi và thư giãn, từ đó gây mệt mỏi và ảnh hưởng đến sức khỏe.

Thiếu sự cân bằng giữa công việc và học tập: Sinh viên có thể bị áp lực trong việc phải đảm nhận cả công việc và học tập, đồng thời không thể đảm bảo sự cân bằng giữa hai hoạt động này.

Môi trường làm việc không tốt: Một số sinh viên phải làm việc trong môi trường không tốt, gặp phải sự cố và áp lực trong công việc, từ đó làm giảm hiệu suất làm việc và ảnh hưởng đến sức khỏe.

Thiếu kỹ năng quản lý thời gian: Sinh viên có thể thiếu kỹ năng quản lý thời gian khi phải đảm nhận công việc và học tập cùng lúc, từ đó gây áp lực và ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Thiếu hiệu quả trong việc kiếm việc làm thêm: Sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm công việc làm thêm phù hợp với năng lực và thời gian của mình.

Thiếu tài chính: Một số sinh viên phải đi làm thêm vì không đủ tiền để trang trải chi phí sinh hoạt và học tập, từ đó gây áp lực và ảnh hưởng đến sức khỏe và kết quả học tập.

* 1. Đề xuất một số khuyến nghị và giải pháp đối với việc đi làm thêm của sinh viên Trường Đại học Khoa học

Dưới đây là một số khuyến nghị và giải pháp có thể áp dụng để cải thiện thực trạng đi làm thêm của sinh viên:

Tăng cường giám sát: Trường học cần tăng cường giám sát việc làm thêm của sinh viên, đảm bảo công việc làm thêm phù hợp với khả năng và thời gian của sinh viên. Giám sát này có thể bao gồm việc đánh giá những công việc phù hợp với khả năng của sinh viên, cung cấp thông tin về các công việc có tiềm năng và khả năng phát triển trong tương lai.

Nâng cao nhận thức: Giáo dục sinh viên về những rủi ro và hậu quả khi làm việc quá sức, ảnh hưởng tới việc học tập. Giáo dục sinh viên về những kỹ năng quản lý thời gian, sức khỏe, giúp họ có thể tự đánh giá khả năng và tìm ra cách thích hợp để cân bằng giữa công việc và học tập.

Cung cấp nguồn thông tin: Cung cấp thông tin về các công việc phù hợp với sinh viên, những công việc được đánh giá là an toàn và có nhiều cơ hội phát triển. Thông tin này có thể được cung cấp thông qua các kênh thông tin của trường học, như website, email, bảng tin.

Hỗ trợ sinh viên: Trường học cần cung cấp hỗ trợ tài chính cho sinh viên, giúp họ có thể đáp ứng các chi phí cơ bản và giảm bớt áp lực về tài chính, từ đó tập trung vào việc học tập. Đồng thời, trường cũng có thể hỗ trợ sinh viên bằng cách cung cấp các khoá học bổ trợ nhằm nâng cao kỹ năng và khả năng làm việc của sinh viên.

Xây dựng chính sách: Nhà trường cần xây dựng các chính sách hỗ trợ cho sinh viên trong việc làm thêm, đảm bảo sinh viên không bị áp lực quá nặng về thời gian và công việc. Các chính sách này có thể bao gồm việc hạn chế số giờ làm thêm, cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ sinh viên về tài liệu và kế hoạch học tập.

**PHẦN III: KẾT LUẬN**

**PHẦN IV: PHỤ LỤC (MINH TRỨNG KÈM THEO)**

\*) Danh mục tài liệu tham khảo

\*) Phiếu điều tra bằng bảng hỏi

\*) Câu hỏi điều tra phỏng vấn sâu

**PHIẾU KHẢO SÁT**

**VỀ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC ĐI LÀM THÊM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

*Đối tượng khảo sát: Sinh viên trường Đại học Khoa Học*

**PHIẾU KHẢO SÁT**

*Chúng tôi là sinh viên lớp Khoa học Quản lý K18, Trường Đại học Khoa học. Hiện nay, chúng tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Tác động của việc đi làm thêm đối với hoạt động học tập của sinh viên trường Đại học Khoa Học”. Để thực hiện đề tài này, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các bạn vào các câu hỏi dưới đây, các câu trả lời chỉ nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu. Trân trọng cảm ơn.*

**I/ Thông tin cá nhân**

1. Họ và tên:
2. Sinh viên lớp – khoá:
3. Giới tính :
4. Tên ngành bạn đang theo học:
5. Dân tộc:
6. Thời gian học tập trên lớp:
7. Nơi ở hiện tại:

**II/Khảo sát sinh viên đã và đang đi làm thêm**

1.  Lý do bạn đi làm thêm là gì?  (có thể chọn nhiều đáp án)

* Hoàn cảnh gia đình khó khăn
* Muốn tự lập
* Muốn có thêm kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng giao tiếp
* Lý do khác

2.Công việc làm thêm của bạn là gì?

……………………

3. Công việc làm thêm có phù hợp với ngành học của bạn không?

* Có
* Không

4. Bạn làm thêm vào thời gian nào?

* Các ngày cuối tuần
* Các buổi sáng
* Các buổi chiều
* Các buổi tối
* Thời gian rảnh rỗi
* Khác

5.Số  giờ làm thêm trong 1 ngày của bạn?

* Dưới 2 giờ
* Từ 2 giờ - 4 giờ
* Từ trên 4 giờ đến dưới 6 giờ
* Trên 6 giờ

6.Mức lương bạn nhận được là bao nhiêu tiền trong 1 giờ làm việc?

……………………

7.  Việc đi làm thêm có tác động như thế nào tới hoạt động học tập của bạn? (Có thể chọn nhiều đáp án)

* Ngủ gật trong giờ học do thiếu ngủ
* Đi học muộn hoặc bỏ học vì ca làm
* Có thêm nhiều kiến thức về ngành học
* Học thêm nhiều kỹ năng mềm và hoạt động nhóm
* Mất tập trung vào việc học do mệt mỏi
* Quen biết được nhiều bạn và anh chị khoá trên có thể giúp đỡ trong quá trình học tập

8.  Lịch đi làm thêm có trùng với lịch học trên lớp của bạn không?

* Có
* Không

9. Từ khi đi làm thêm, thời gian tự học của bạn thay đổi như thế nào?

* Giảm thời gian tự học
* Không thay đổi
* Tăng thời gian tự học lên

10. Bạn dành bao nhiêu thời gian để tự học?

* Dưới 1 tiếng
* 1 đến 2 tiếng
* 2 đến 3 tiếng
* Mục khác:………………….

11. Điểm trung bình các học phần của bạn trước khi đi làm thêm?

* Dưới 1
* 1-2
* 2-3
* 3-4

12. Điểm trung bình các học phần của bạn sau khi đi làm thêm?

* Dưới 1
* 1-2
* 2-3
* 3-4

13. Trong thời gian đi làm thêm bạn có gặp khó khăn gì không?

* Công việc vất vả
* Môi trường làm việc căng thẳng
* Nguy cơ rủi ro cao
* Thiếu phương tiện đi lại
* Mệt mỏi
* Không chủ động về thời gian
* Khác

**III/Khảo sát sinh viên không đi làm thêm**

1.  Theo bạn, việc đi làm thêm có cần thiết với sinh viên không?

* Rất cần thiết
* Cần thiết
* Không cần thiết
* Rất không cần thiết

2.Bạn có mong muốn gì đối với công việc đi làm thêm?

* Lương đúng năng lực
* Chủ động về thời gian
* Làm việc phù hợp với chuyên ngành
* Môi trường làm việc chuyên nghiệp
* Khác

3.Nếu có cơ hội đi làm thêm, sinh viên nên đi làm thêm ở năm thứ bao nhiêu?

* Năm 1
* Năm 2
* Năm 3
* Nẳm 4

4.Bạn dành bao nhiêu thời gian để tự học

* Dưới 1 tiếng
* 1 đến 2 tiếng
* 2 đến 3 tiếng
* Mục khác:…………………

5.  Lý do bạn không đi làm thêm là gì?

* Gia đình không cho đi
* Ảnh hưởng tới việc học
* Không chủ động về thời gian
* Lương không đảm bảo
* Lý do khác

**PHỎNG VẤN SÂU**

Phỏng vấn sâu sinh viên đã và đang đi làm thêm về các tác động của việc làm thêm đối với hoạt động học tập của sinh viên.

1. Vừa học vừa làm thêm bạn có gặp những khó khăn gì?
2. Bạn sắp xếp thời gian cho việc học tập như thế nào?
3. Việc làm thêm hiện tại có khiến bạn cảm thấy stress không?
4. Thu nhập hàng tháng bạn nhận được từ việc đi làm thêm có đủ để trang trải sinh hoạt phí hay không?
5. Có trường hợp lịch đi làm thêm trùng với lịch học của bạn không? Khi thời gian học trùng với thời gian đi làm thêm thì bạn xử lý như thế nào?
6. Bạn đã học được những gì qua việc đi làm thêm ngoài giờ?
7. Bạn có những khuyến nghị gì đối với thực trạng làm thêm của sinh viên trường ĐHKH hiện nay
8. Việc làm thêm có giúp bạn cải thiện được các kỹ năng mềm hay không? Cụ thể thế nào?